

## BÀI 26

# TỔNG KẾT PHẦN VĂN BẢN NHẬT DỤNG

### I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

- Trên cơ sở nhận thức tiêu chuẩn đầu tiên và chủ yếu của văn bản nhật dụng là tính cập nhật của nội dung, hệ thống hoá được chủ đề của các văn bản nhật dụng trong chương trình Ngữ văn THCS.
- Nắm được một số đặc điểm cần lưu ý trong cách thức tiếp cận văn bản nhật dụng.

## II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LUU Ý

1. Cũng như với nhiều bài tổng kết khác ở lớp 9, cần động viên HS ôn lại các văn bản có liên quan trong toàn cấp trước đó một thời gian thì tiết học mới thu được kết quả.

2. Số lượng văn bản cần tổng kết không nhiều, song do tính chất đa dạng về nội dung và hình thức văn bản, muốn thấy hết ý nghĩa của việc học văn bản nhât dụng, cần liên hệ không chỉ với thực tế cuộc sống mà còn với các phần khác trong chương trình Ngữ văn, với cả nhiều môn học khác. Không chỉ HS mà GV cũng cần dành một thời gian cần thiết để xem lại nội dung một số phần của các môn học khác trước khi tổng kết, đặc biệt là các môn Giáo dục công dân, Sinh học, Địa lí, Lịch sử, các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp.

## III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

**Hoạt động 1.** Hướng dẫn cho HS trao đổi về phần giới thiệu văn bản nhât dụng trong chương trình được trích dẫn ở mục I SGK : "Khái niệm văn bản nhât dụng không phải là khái niệm thể loại, cũng không chỉ kiểu văn bản. Nó chỉ đề cập tới chức năng, đề tài và tính cập nhật của nội dung văn bản mà thôi".

Có ba điểm cần làm rõ :

a) Khái niệm *tính cập nhật*. Đó là điểm mấu chốt nói lên ý nghĩa của việc học văn bản nhât dụng : *tạo điều kiện tích cực để thực hiện nguyên tắc giúp HS hòa nhập với xã hội*.

b) "Khái niệm văn bản nhât dụng không phải là khái niệm thể loại, cũng không chỉ kiểu văn bản", có nghĩa là văn bản nhât dụng có thể sử dụng mọi thể loại, mọi kiểu văn bản.

c) Tuy nhiên, đây không phải là những bài học của môn Giáo dục công dân hay một hình thức của hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp. Nó vẫn là một bộ phận của môn Ngữ văn, văn bản được chọn lọc vẫn phải đáp ứng được yêu cầu bồi dưỡng kiến thức và rèn luyện kĩ năng của môn Ngữ văn. "Vì vậy hoàn toàn có thể tuyển chọn để dạy các văn bản nhât dụng có giá trị như một tác phẩm văn học phù hợp với các thể loại văn học được dạy ở mỗi lớp". Do đặc trưng bộ môn, việc dạy văn bản nhât dụng có *thể mạnh riêng* trong việc giúp HS thâm nhập thực tế cuộc sống.

**Hoạt động 2.** Cho HS trao đổi ý kiến để hiểu sâu hơn "tính cập nhật của nội dung" bằng cách hệ thống hoá các đề tài, chủ đề các văn bản trong toàn cấp.

SGK đã miêu tả tương đối đầy đủ các đề tài, chủ đề các văn bản trong toàn cấp. Có mấy điểm cần nhấn mạnh và làm rõ thêm :

a) *Cập nhật* là gắn với cuộc sống *bức thiết, hằng ngày*, song tính bức thiết phải gắn với những vấn đề *cơ bản* của *công đồng*, cái thường nhật phải gắn với những vấn đề *lâu dài* của sự phát triển lịch sử, xã hội.

b) Những đề tài, chủ đề của các văn bản nhật dụng đã bảo đảm được các tiêu chuẩn ấy. GV cho HS chứng minh. Hướng chứng minh : đó là những vấn đề thường xuyên được báo, dài đề cập, là nội dung chủ yếu của nhiều nghị quyết, chỉ thị của Đảng và Nhà nước, của nhiều thông báo, công bố của các tổ chức quốc tế.

c) Cho HS bổ sung những văn bản, trong đó có cả văn bản phụ, mà bài tổng kết ở SGK chưa nhắc tới như *Trường học* của Ét-môn-đô đơ A-mi-xi ở SGK *Ngữ văn 7*, bản thống kê về động cơ hút thuốc lá của thanh thiếu niên Hà Nội, bản tin về cái chết do nghiện ma tuý của con một nhà tỉ phú Mī ở SGK *Ngữ văn 8*...

**Hoạt động 3.** Cho HS hệ thống hoá các hình thức văn bản và kiểu văn bản mà các tác phẩm văn học nhật dụng đã dùng.

SGK đã nêu tương đối đầy đủ, có thể nhấn mạnh và bổ sung thêm một vài ý :

a) Cần cho HS thấy, cũng giống các văn bản tác phẩm văn học, văn bản nhật dụng thường không chỉ dùng một phương thức biểu đạt mà kết hợp nhiều phương thức để tăng sức thuyết phục.

b) SGK đã chỉ ra một vài ví dụ. Có thể cho HS chỉ ra thêm sự kết hợp các phương thức biểu đạt chưa được đề cập. Quan trọng hơn là yêu cầu HS chỉ ra sự kết hợp đó thể hiện cụ thể ở chỗ nào và phân tích tác dụng của sự kết hợp đó.

Ví dụ, có thể đặt câu hỏi hoặc ra bài luyện tập nhỏ :

– Hãy tìm những yếu tố biểu cảm và phân tích tác dụng của nó trong bài *Ôn dịch, thuốc lá*. HS sẽ thấy yếu tố biểu cảm không chỉ thể hiện ở những câu như *Nghĩ đến mà kinh* mà còn ở cách dùng dấu câu tu từ ở đề mục văn bản. Những yếu tố đó có tác dụng làm cho người đọc hiểu rõ hơn những tác hại khôn lường do khói thuốc gây ra và tránh xa nó.

– Hãy chứng minh hai văn bản có cách đặt đề mục giống nhau (*Cầu Long Biên – chứng nhân lịch sử; Ôn dịch, thuốc lá*) lại dùng hai phương thức biểu đạt chủ yếu khác nhau (văn bản 1 : biểu cảm ; văn bản 2 : thuyết minh).

Đặc biệt là có thể thông qua nhiều văn bản nhật dụng để củng cố các kiến thức đã học về kiểu văn bản nghị luận và thuyết minh. Thậm chí, có thể bổ sung những phép lập luận của văn nghị luận chưa được đề cập hay chưa được đề cập đầy đủ ở phần Tập làm văn (ví dụ, phép lập luận phản bác ở bài *Ôn dịch, thuốc lá*: "Có người bảo : Tôi hút, tôi bị bệnh, mặc tôi ! Xin đáp lại : ...").

**Hoạt động 4.** Cho HS trao đổi về một số đặc điểm cần lưu ý trong việc học văn bản nhật dụng.

SGK đã đề cập năm điểm cụ thể, ở đây xin nhấn mạnh thêm vài khía cạnh của điểm 3 và điểm 4.

– Bản thân khái niệm "nhật dụng" đã bao hàm ý "phải vận dụng thực tiễn". Bởi vậy, học nó không phải chỉ để biết mà còn để làm. Việc làm đầu tiên là phải bày tỏ quan điểm, ý kiến riêng của mình về vấn đề được nêu ra và có đủ bản lĩnh, kiến thức, cách thức bảo vệ những quan điểm, ý kiến ấy.

Bởi vậy, để bài kiểm tra văn bản nhật dụng hoàn toàn có thể yêu cầu HS đề xuất ý kiến, biện pháp giải quyết về những vấn đề đã đặt ra trong các văn bản nhật dụng (như vấn đề thuốc lá, rác thải sinh hoạt, ô nhiễm nước, ô nhiễm không khí, vấn đề xâm hại trẻ em, thái độ đối với các bạn gắp cảnh gia đình không may, sự hiểu biết về di tích, thắng cảnh, truyền thống văn hoá địa phương, tình hình chiến tranh, khủng bố đang hằng ngày diễn ra ở nơi này, nơi nọ trên toàn cầu...).

Chắc không ai dám bảo đó là những đề bài ra ngoài chương trình !

– Nội dung mà văn bản nhật dụng đặt ra có liên quan đến khá nhiều môn học khác và ngược lại. Có thể cho HS chứng minh điều này để khẳng định thêm tính đúng đắn của phương châm tích hợp.

(Gợi ý:

+ *Môi trường* là vấn đề được đề cập trong ba văn bản nhật dụng ở lớp 6 và lớp 8. Đó cũng là vấn đề được hầu hết các môn học đề cập, đặc biệt là một số phần ở Địa lí lớp 6, lớp 7 và một số chương về "Sinh vật và môi trường" ở sách *Sinh học 9*.

+ *Quyền trẻ em* là vấn đề được đề cập trong ba văn bản nhật dụng ở lớp 7 và lớp 9. Một trong những chủ đề pháp luật của *Giáo dục công dân 6 và 7* cũng là quyền trẻ em, quyền được bảo vệ, chăm sóc và giáo dục của trẻ em. Nếu ở lớp 6, HS mới được giới thiệu nội dung *Tuyên bố thế giới về sự sống còn, quyền được*

*bảo vệ và phát triển của trẻ em* (môn Giáo dục công dân) thì ở lớp 9, các em được học toàn văn bản tuyên bố ấy (môn Ngữ văn).

+ *Ma tuy, thuốc lá* là vấn đề được đề cập trong ba văn bản nhật dụng (kể cả văn bản đọc thêm) ở *Ngữ văn 8*, phòng chống tệ nạn xã hội cũng là một chủ đề pháp luật của *Giáo dục công dân 8*...

GV cho HS tìm ra những dẫn chứng sinh động khác.)